

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2018
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Sớm;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 563/2018/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1973, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Vũ Hồng Đ, sinh năm 1972, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Hồng Đ kết hôn năm 1993 chung sống đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn và có đơn xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện A đã giải quyết tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các

đương sự số 03/2017/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2017. Về tài sản chung chị tự thỏa thuận với anh Đ, nhưng sau đó chị và anh Đ không thỏa thuận được. Chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn giữa chị và anh Vũ Hồng Đ. Quá trình vợ chồng chung sống đã tạo dựng khối tài sản chung gồm có:

- 01 nhà xây hai tầng mái bằng xây dựng năm 2012, công trình phụ khép kín xây trên diện tích đất 60,5 m² tại thửa đất số 188 A1, tờ bản đồ số 218 A1, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2014 nhưng do sơ xuất bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 8 năm 2017 mang tên chủ sử dụng là Dương Thị H và Vũ Hồng Đ.

Tài sản trên do chị và anh Đ tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, hai con chung còn nhỏ không có công sức đóng góp. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết chia cho chị được quản lý, sử dụng nhà đất và chị trả tiền chênh lệch tài sản sang cho anh Đ vì hiện nay chị và con Vũ Thị Hồng Ngọc không có nơi ở phải thuê nhà trọ. Còn anh Đ hiện có nơi ở là ngôi nhà của chị và anh Đ xây dựng từ năm 1999 trên đất của bố mẹ anh Đ tại thôn C, xã Q, huyện A, chị nhường quyền cho anh Đ sử dụng, chị không yêu cầu chia ngôi nhà trên. Ngoài ra chị trình bày có 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển số 16N9-7748 mua năm 2009 mang tên Dương Thị H là tài sản chung của chị và anh Đ, hiện chị đang sử dụng. Chị nhận sử dụng xe máy và trả tiền sang cho anh Đ. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Anh Vũ Hồng Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai vào ngày 13 tháng 11 năm 2017 thể hiện: Anh và Chị H đã ly hôn tại Quyết định số 03/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng giải quyết; về tài sản chung anh Đ thống nhất như Chị H trình bày, anh chị có 01 nhà xây hai tầng mái bằng xây dựng năm 2012, công trình phụ khép kín xây trên diện tích đất 60,5 m² tại thửa đất số 188 a1, tờ bản đồ số 218 A1, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Theo anh Đ đây là tài sản chung của anh và Chị H, các con anh chị còn nhỏ nên không có công sức đóng góp vào khối tài sản này. Chị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là nhà đất, anh nhất trí chia nhưng với điều kiện phải bán nhà cho người khác theo giá thị trường và chia đôi, anh Đ không nhận sử dụng nhà đất và anh không đồng ý cho Chị H sử dụng nhà đất. Ngoài tài sản chung là nhà đất, anh và Chị H còn có tài sản khác gồm: 01 sạp hàng quần áo nhưng từng mặt hàng và giá trị cụ thể của từng mặt hàng anh không nắm được; 01 xe ô tô nhãn hiệu Matiz mua năm 2011 nhưng đã bán năm 2013 với giá là 97.000.000đ (chín mươi bảy triệu đồng); 01 xe máy hiệu Honda mua năm 2009 và 01 xe máy nhãn hiệu Honda (SH) hiện nay Chị H đang quản lý sử dụng; 01 sổ tay cho vay lãi cụ thể nội dung ghi ai là người vay, cụ thể số tiền vay bao nhiêu anh

không nắm được. Tuy nhiên toàn bộ tài sản khai trên Chị H là người quản lý, anh không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án để chứng minh theo yêu cầu của mình. Đồng thời anh Đ không đề nghị Tòa án chia các tài sản khai trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Dương Thị H có đơn đề nghị chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh Vũ Hồng Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chị H đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Hồng Đ không tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 29, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với anh Vũ Hồng Đ và đề nghị giao cho chị Dương Thị H được quyền quản lý và sử dụng tài sản gồm 01 căn nhà 02 tầng và các công trình được xây trên thửa đất số 188 a1, tờ bản đồ số 218 A1, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH0337/AL ngày 30 tháng 8 năm 2017 mang tên chủ sử dụng là Dương Thị H và Vũ Hồng Đ và 01 xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 16N9-7748 mua năm 2009 mang tên Dương Thị H trị giá là 9.000.000đ (chín triệu đồng). Tổng trị giá tài sản Chị H được nhận là $562.457.618 : 2 = 281.228.809đ$ (làm tròn là 281.229.000đ hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) và Chị H có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản sang cho anh Vũ Hồng Đ là 281.229.000đ (hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Đối với các tài sản: 01 sạp hàng quần áo, số tiền bán xe ô tô MATIZ, xe máy nhãn hiệu Honda loại SH và số tiền cho vay lãi anh Đ khai thực tế anh không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án để chứng minh các tài sản trên theo yêu cầu của anh, anh không làm đơn đề nghị Tòa án chia các tài sản trên; Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các tài sản này. Về án phí: Chị Dương Thị H và anh Vũ Hồng Đ mỗi người phải nộp án phí chia tài sản chung là 14.061.440đ (làm tròn là mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A, Hải Phòng.

[2] Bị đơn là anh Vũ Hồng Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Vũ Hồng Đ.

- Về nội dung vụ án:

[3] Chị Dương Thị H và anh Vũ Hồng Đ đều thừa nhận và yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân là: 01 căn nhà xây hai tầng xây dựng năm 2012 xây trên diện tích đất 60,5m² tại thửa đất số 188 a1, tờ bản đồ số 218 A1, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho chủ sử dụng là Dương Thị H và Vũ Hồng Đ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 16N9-7748 mua năm 2009 mang tên Dương Thị H. Đây xác định là các tài sản chung của Chị H, anh Đ. Do đó yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của Chị H là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng: “ *Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi....; “ Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia bằng hiện vật thì chia theo giá trị...”* và theo quy định tại khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự quy định: “ *Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án*”. Chị H đề nghị được nhận nhà đất và xe máy, chị có trách nhiệm trả phần tiền chênh lệch cho anh Đ. Anh Đ đề nghị bán nhà và đất cho người khác theo giá thị trường và chia đôi số tiền cho anh và Chị H mỗi người một nửa. Xét yêu cầu của các bên: Chị H và con Vũ Thị Hồng Ngọc hiện nay không có nơi ở phải đi thuê nhà trọ. Anh Đ hiện có nhà ở ổn định. Thực tế đất ở của Chị H và anh Đ có diện tích là 60,5m² , đất có chiều rộng là 5m, chiều dài là 12,10m trên đất xây căn nhà hai tầng kiểu lô nên không thể chia đôi nhà đất mà cần xem xét chia nhà đất cho một bên sử dụng và trả tiền cho bên kia là phù hợp với thực tế. Do đó giao nhà cho Chị H sử dụng, Chị H có trách nhiệm trả phần tiền chênh lệch cho anh Đ là phù hợp. Đối với tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda hiện Chị H đang quản lý, Chị H có nhu cầu sử dụng nên giao cho Chị H tiếp tục sử dụng, Chị H có trách nhiệm trả phần chênh lệch cho anh Đ là phù hợp.

[4] Tại kết luận định giá tài sản ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị hiện tại của ngôi nhà hai tầng Chị H, anh Đ xây dựng

là 432.457.618đ (bốn trăm ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm mười tám đồng); giá trị quyền sử dụng đất xác định là $2.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 60,5\text{m}^2 = 121.000.000\text{đ}$ (một trăm hai mươi một triệu đồng) và 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 16N9-7748 trị giá 9.000.000đ (chín triệu đồng). Tổng giá trị các tài sản chung Chị H và anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết là $432.457.618\text{đ} + 121.000.000\text{đ} + 9.000.000\text{đ} = 562.457.618\text{đ}$ (năm trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm mười tám đồng). Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Chị H. Chị H và anh Đ mỗi người được hưởng một nửa số tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, có giá trị là $562.457.618\text{đ} : 2 = 281.228.809\text{đ}$ (làm tròn số là 281.229.000đ hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Chị H lấy các tài sản là hiện vật và có trách nhiệm trả phần chênh lệch sang cho anh Đ là 281.229.000đ (hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

[5] Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai, bản tự khai anh Đ khai anh và Chị H có tài sản chung gồm 01 sạp hàng quần áo nhưng từng mặt hàng và giá trị cụ thể của từng mặt hàng anh không nắm được; 01 xe ô tô nhãn hiệu Matiz mua năm 2011 nhưng đã bán năm 2013 với giá là 97.000.000đ (chín mươi bảy triệu đồng). Chị H khai số tiền bán xe ô tô chị đã mua cho con Vũ Thị An 01 xe máy ViSon trị giá 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) và mua cho con Vũ Thị Hồng Ngọc 01 xe đạp điện nhãn hiệu DiBao trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng), số tiền còn lại Chị H đã chi tiêu cho các con học hết, anh Đ thừa nhận và không có ý kiến gì. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại SH biển kiểm soát 15D1-222.24 mang tên Dương Thị H mua ngày 17 tháng 3 năm 2017 sau khi Chị H và anh Đ đã ly hôn. Chị H khai chị và anh Đ có tài sản chung khác là 01 ngôi nhà cấp 4 xây năm 1999 trên đất của bố mẹ đẻ anh Đ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên cả anh Đ và Chị H đều không đề nghị Tòa án chia các tài sản trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí, chi phí tố tụng:

[7] Về án phí: Chị Dương Thị H và anh Vũ Hồng Đ phải nộp án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật với mức án phí có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản mỗi bên được hưởng $281.229.000\text{đ}$ (hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) $\times 5\% = 14.061.440\text{đ}$ (mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) làm tròn số Chị H và anh Đ phải nộp án phí dân sự là 14.061.000đ (mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng).

[8] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Dương Thị H là người yêu cầu định giá tài sản nên Chị H phải nộp chi phí định giá tài sản. Chị H đã nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 147; Điều 165 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28; Điều 33; khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

Giao cho chị Dương Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 60,5m² tại thửa đất số 188 a1, tờ bản đồ số 218 A1, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng có vị trí tứ cận như sau:

Phía Nam giáp tỉnh lộ 326 từ mốc 1 đến mốc 4 dài là 5,0m;

Phía Tây giáp đất ông Đỗ Xuân Bồi từ mốc 1 đến mốc 2 dài là 12,10m;

Phía Bắc giáp đất bà Bùi Thị Toan từ mốc 2 đến mốc 3 dài 5,0m;

Phía Đông giáp đất ông Bùi Đình Thắng từ mốc 3 đến mốc 4 dài là 12,10m.

(có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Chị Dương Thị H được sở hữu tài sản trên đất được chia gồm căn nhà 2 tầng và công trình phụ khép kín.

Giao cho chị Dương Thị H sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 16N9-7748.

Chị Dương Thị H phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Vũ Hồng Đ là 281.229.000đ (hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng). Anh Vũ Hồng Đ được nhận tiền chênh lệch tài sản chị Dương Thị H trả sang là 281.229.000đ (hai trăm tám mươi một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng).

2. Về án phí, chi phí tố tụng

Về án phí: Chị Dương Thị H phải nộp 14.061.000đ (mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí Chị H đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002672 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng, Chị H còn phải nộp 6.561.000đ (sáu triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn sơ thẩm.

Anh Vũ Hồng Đ phải nộp 14.061.000đ (mười bốn triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn sơ thẩm.

3. Về chi phí định giá tài sản: Chị Dương Thị H phải nộp 3.000.000đ (ba triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng Chị H đã nộp là 3.000.000đ. Chị H đã nộp đủ tiền chi phí định giá tài sản.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Vũ Hồng Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo đúng quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hạn thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn